

Số: 119 /BC-ĐKKVCP

Cẩm Phả, ngày 20 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO
Kiểm tra, đánh giá chất lượng Bệnh viện
và Khảo sát hài lòng người bệnh, nhân viên y tế năm 2024

Thực hiện Kế hoạch số 40/KH-ĐKKVCP ngày 06/01/2025 của Bệnh viện về việc Kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện và khảo sát hài lòng người bệnh, nhân viên y tế năm 2024.

Bệnh viện Đa khoa khu vực Cẩm Phả báo cáo kết quả kiểm tra như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH.

1. Chức năng nhiệm vụ và tổ chức bộ máy

1.1. Tổ chức bộ máy

* Ban giám đốc: Gồm 03 đồng chí (01 giám đốc, 02 phó giám đốc)

* Cơ cấu tổ chức của Bệnh viện: Gồm 22 khoa, phòng. Trong đó có: 06 phòng chức năng và 16 khoa chuyên môn. Cụ thể:

- Các phòng chức năng: (1). Phòng Tổ chức cán bộ; (2). Phòng Tài chính kế toán; (3). Phòng Kế hoạch tổng hợp; (4). Phòng Điều dưỡng; (5). Phòng Hành chính quản trị - Vật tư, thiết bị y tế; (6). Phòng Quản lý chất lượng.

- Các khoa chuyên môn: (1). Khoa Khám bệnh; (2). Khoa Nội – Lão khoa; (3). Khoa Ngoại; (4). Khoa Phụ Sản; (5). Khoa Nhi; (6). Khoa Y học cổ truyền- Phục hồi chức năng; (7). Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc - Thận nhân tạo; (8). Khoa Mắt; (9) Khoa Tai Mũi Họng; (10) Khoa Răng Hàm Mặt; (11). Khoa Bệnh Nhiệt đới; (12). Khoa Phẫu thuật - Gây mê hồi sức; (13). Khoa Xét nghiệm; (14). Khoa Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng; (15). Khoa Dược; (16). Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn;

* Nhân sự: 342 Cán bộ viên chức và hợp đồng lao động (trong đó có 91 Bác sĩ, 17 Dược sĩ, 169 Điều dưỡng viên, 9 Hộ sinh, 18 Kỹ thuật viên, 38 cán bộ khác)

+ Viên chức: 179 người.

+ Hợp đồng: 163 người.

+ Người có chứng chỉ hành nghề: 295 người/Tổng số 305 người thuộc diện phải cấp chứng chỉ hành nghề.

1.2. Chức năng, nhiệm vụ:

Chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện ĐKKV Cẩm Phả được thực hiện theo Quyết định số 2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 07 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh V/v quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ

chức bộ máy của Bệnh viện Đa khoa khu vực Cẩm Phả trực thuộc Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh.

2. Thuận lợi, khó khăn:

2.1. Thuận lợi:

Năm 2024 là một năm nhiều khó khăn đối với đơn vị y tế nhất là các đơn vị thực hiện tự chủ 100% kinh phí chi thường xuyên như Bệnh viện Đa khoa khu vực Cẩm Phả. Tuy nhiên được sự quan tâm chỉ đạo và tạo điều kiện của các cấp lãnh đạo, đặc biệt là Sở Y tế; Sự đoàn kết nhất trí cao của tập thể Cán bộ, viên chức, người lao động của Bệnh viện... đã cùng đồng tâm, nỗ lực trong các hoạt động của đơn vị để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2.2. Khó khăn

- Cơ sở hạ tầng còn chưa đồng bộ, một số nơi đã xuống cấp.
- Trang thiết bị còn thiếu.
- Nhân lực chưa đảm bảo số lượng người làm việc theo Vị trí việc làm. Một số vị trí chưa tuyển đủ do điều kiện khách quan như: bác sĩ Răng Hàm Mặt,..

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA

Đạt $818,5/1000= 81,85\%$

(Bảng tính điểm nội dung kiểm tra theo Quyết định số 3652/QĐ-BYT ngày 03/12/2024 của Bộ Y tế kèm theo)

1 Nội dung 1: Thông tin, số liệu hoạt động bệnh viện năm 2024

- Thông tin, số liệu hoạt động bệnh viện trong 12 tháng (chuyên môn, tài chính, nhân lực, tổ chức, danh mục kỹ thuật, danh sách người hành nghề, danh mục trang thiết bị, sử dụng thuốc 12 tháng, báo cáo mô hình bệnh tật ICD-10), kết quả đánh giá chất lượng theo Bộ tiêu chí chất lượng Bệnh viện Việt Nam; kết quả đánh giá chất lượng theo tiêu chuẩn cơ bản đối với bệnh viện.

Đã thực hiện việc nhập liệu đầy đủ, theo yêu cầu và đúng quy định. (Có các Phụ lục 1A-1I kèm theo).

2. Nội dung 2: Đánh giá chất lượng bệnh viện

2.1. Đánh giá Tiêu chuẩn chất lượng cơ bản đối với bệnh viện (Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BYT ngày 16 tháng 11 năm 2024).

Kết quả tự đánh giá: Đạt 43/43 tổng số tiêu chí đánh giá (đạt 100%) (Phụ lục 2A kèm theo).

2.2. Đánh giá chất lượng theo Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam. (Phiên bản 2.0 ban hành kèm theo Quyết định số 6858/QĐ-BYT ngày 18/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế).

- Đánh giá 79/83 Tiêu chí
- + Không đánh giá Tiêu chí A4.4 (do không có thiết bị xã hội hóa)
- + Không đánh giá tiêu chí C5.1, C4.5, C4.6 (theo hướng dẫn)

- Kết quả tự đánh giá: 279 điểm (Có hệ số: 298), trung bình 3,51 (Phụ lục 2B kèm theo).

STT	Nội dung	Tiêu chí chuẩn	Áp dụng
1	Tổng số tiêu chí áp dụng đánh giá	83	79
2	Tỷ lệ tiêu chí áp dụng so với 83 tiêu chí	95%	
3	Tổng số điểm của các tiêu chí áp dụng	279 (chưa có hệ số)	298 (có hệ số)
4	Điểm trung bình chung của các tiêu chí. Công thức: (Tổng điểm TC có hệ số/79)	3,51	

KẾT QUẢ CHUNG CHIA THEO MỨC	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Tổng số tiêu chí
5. SỐ LƯỢNG TIÊU CHÍ ĐẠT:	1	4	31	38	5	79
6. % TIÊU CHÍ ĐẠT:	1,27%	5,06%	39,24%	48,10%	6,33%	79

- So sánh kết quả năm 2024 với năm 2023:

STT	Chỉ tiêu	2023 (82 tiêu chí)	2024 (79 tiêu chí)
1	Tổng điểm	272	279
2	Tổng điểm có hệ số	295	298
3	Điểm TB (Tổng điểm có hệ số)	3,31	3,51

- Kết quả chấm điểm an toàn phẫu thuật theo Bộ Chất lượng đánh giá mức độ an toàn phẫu thuật (QĐ số 7482/QĐ-BYT ngày 18/12/2018): 98,5/110 điểm (Đạt 89,5%); Đạt Mức 4 An toàn phẫu thuật. (Phụ lục 2C kèm theo)

STT	Chỉ tiêu	2023	2024	2024/2023
1	Tổng điểm (tiêu chí)	110	110	100%
2	Điểm đạt	93	98,5	116%
3	Tương ứng	84,5%	89,5%	106%
		Mức 4	Mức 4	

- Kết quả chấm điểm an toàn phòng xét nghiệm theo Bộ tiêu chí Đánh giá mức chất lượng phòng xét nghiệm y học (QĐ số 2429/QĐ-BYT ngày 12/6/2017): Đạt 230/268 điểm = 85,8%

Mức chất lượng theo điểm: Mức 3

Mức chất lượng tổng hợp theo điểm và tiêu chí bắt buộc: Mức 3 (Phụ lục 2D kèm theo)

STT	Chỉ tiêu	2023	2024	2023/2024
1	Tổng điểm (169 tiêu chí)	268	268	100%
2	Điểm đạt	230	230	100%
3	Tương ứng	85,8%	85,8	100%
		Mức 3	Mức 3	
4	Mức chất lượng tổng hợp theo điểm và tiêu chí bắt buộc	Mức 3	Mức 3	

3. Nội dung 3: Khảo sát hài lòng người bệnh và nhân viên y tế

Áp dụng theo các mẫu phiếu khảo sát và tài liệu hướng dẫn phương pháp khảo sát hài lòng (ban hành kèm theo Quyết định số 3869/QĐ-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế).

Kết quả khảo sát 2024: (Có Phụ lục 3 kèm theo).

STT	Đối tượng khảo sát	2023 (Đoàn SYT đánh giá)	2024 (BV tự đánh giá)	2024/2023
1	NB nội trú	99,9%	95,9%	96%
2	NB ngoại trú	97,6%	96,6%	99%
3	Người mẹ sinh con tại Bệnh viện	Không khảo sát	99,2%	
4	Nhân viên y tế	92,54%	94,4%	102%

4. Nội dung 4: Kiểm tra sự sẵn sàng công tác cấp cứu, hồi sức tích cực người bệnh. (Theo Phụ lục tại Quyết định số 3652/QĐ-BYT ngày 03/12/2024 của Bộ Y tế)

Điểm chuẩn: 30

Điểm đạt: 30/30

5. Nội dung 5: Kiểm tra việc triển khai các chỉ đạo khẩn của Chính phủ, Bộ Y tế. (Theo Phụ lục 1 tại Quyết định số 3652/QĐ-BYT ngày 03/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế).

5.1. Đặt lịch hẹn khám

Điểm chuẩn: 30

Điểm đạt: 30/30

5.2. Triển khai hội chẩn, hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa

Điểm chuẩn: 20

Điểm đạt: 20/20

5.3. Triển khai bệnh án điện tử

Điểm chuẩn: 30

Điểm đạt: 30/30

5.4. Công tác chuyển đổi số, triển khai sở sức khỏe điện tử trên ứng dụng VneID, chuyên viên, hẹn khám lại các công việc liên quan thực hiện Đề án 06 của Thủ tướng Chính phủ.

Điểm chuẩn: 20

Điểm đạt: 15/20

5.5. Tình hình cung ứng thuốc, vật tư y tế trong bệnh viện

Điểm chuẩn: 30

Điểm đạt: 20/30

5.6. Việc chấp hành pháp luật về giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh

Điểm chuẩn: 40

Điểm đạt: 40/40

5.7. Thực hiện các quy định về định mức giường bệnh, số giường kế hoạch, thực kê và các điều kiện liên quan như diện tích, cơ sở hạ tầng, nhân lực...

Điểm chuẩn: 20

Điểm đạt: 10/20

5.8. Thực hiện việc xếp cấp chuyên môn kỹ thuật

Điểm chuẩn: 20

Điểm đạt: 20/20

6. Nội dung 6: Kiểm tra việc phản hồi một số văn bản phục vụ công tác quản lý nhà nước: (Theo Phụ lục 1 tại Quyết định số 3652/QĐ-BYT ngày 03/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế).

Điểm tổng: 30

Điểm đạt: 30/30

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

1. Thuận lợi

- Bệnh viện được sự quan tâm chỉ đạo và tạo điều kiện của các cấp lãnh đạo đặc biệt là Sở Y tế.

- Có sự đoàn kết nhất trí cao trong Cán bộ viên chức, người lao động của Bệnh viện trong các hoạt động của đơn vị.

- Đã có hệ thống tổ chức Quản lý chất lượng theo quy định tại Thông tư số 19/2013/TT-BYT.

- Bệnh viện đã triển khai các công tác quản lý chất lượng khám bệnh chữa bệnh như: Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hàng năm; Lựa chọn, xây dựng các đề án và chỉ số chất lượng; Xây dựng phác đồ điều trị, hướng dẫn quy trình kỹ thuật, quy trình chăm sóc; Triển khai thực hiện các nội dung đảm bảo an toàn người bệnh (xác định chính xác người bệnh; an toàn phẫu thuật; An toàn sử

dụng thuốc; Phòng kiểm soát nhiễm khuẩn); Đảm bảo môi trường an toàn người bệnh, nhân viên; Báo cáo sự cố y khoa...

- Hội đồng Quản lý chất lượng xây dựng và triển khai kế hoạch bảo đảm, nâng cao chất lượng Bệnh viện của năm với các chỉ tiêu cụ thể, phù hợp với Kế hoạch phát triển chung của Bệnh viện.

2. Khó khăn:

- Các thành viên Hội đồng và mạng lưới Quản lý chất lượng còn kiêm nhiệm nên chưa có nhiều thời gian cho công tác quản lý chất lượng; Hoạt động của Hội đồng và mạng lưới Quản lý chất lượng chưa chuyên nghiệp.

- Phòng Quản lý chất lượng còn thiếu nhân lực làm việc.

- Công tác kiểm tra giám sát, đánh giá việc tuân thủ quy trình chưa được thực hiện thường xuyên.

- Cán bộ Y tế chưa tự giác hoặc còn né tránh việc báo cáo sự cố y khoa.

- Hệ thống phần mềm Quản lý bệnh viện còn hạn chế trong việc ứng dụng Công nghệ thông tin vào Quản lý bệnh viện.

- Nhân lực chung và trang thiết bị,... tại khoa Hồi sức tích cực - Chống độc còn thiếu/chưa đầy đủ.

3. Giải pháp:

- Bổ sung, bố trí nhân lực phù hợp cho hoạt động Quản lý chất lượng Bệnh viện.

- Nâng cao ý thức trách nhiệm của Cán bộ Y tế trong thực hiện Quản lý chất lượng Bệnh viện, đặc biệt là thực hiện quy trình chuyên môn, chủ động tự giác báo cáo sự cố y khoa...; Gắn trách nhiệm cá nhân lãnh đạo khoa phòng bộ phận với việc thực hiện cải tiến chất lượng.

- Luôn rà soát, củng cố, đảm bảo đạt đầy đủ các tiêu chí bệnh viện cơ bản theo Thông tư số 35/2024/TT-BYT ngày 16 tháng 11 năm 2024.

- Cải thiện một số tiêu chí chất lượng Bệnh viện đang ở mức thấp trong khả năng thực hiện của Bệnh viện.

- Tăng cường nguồn lực cho hoạt động cải tiến chất lượng.

- Tăng cường trang bị thêm trang thiết bị, vật tư y tế; tiếp tục đào tạo sau đại học chuyên khoa hồi sức cho đội ngũ bác sỹ.

IV. NGUYÊN NHÂN TỒN TẠI VÀ HẠN CHẾ

1. Nguyên nhân khách quan:

- Thiếu nhân lực làm việc/chưa đảm bảo số lượng người làm việc theo vị trí việc làm. Một số vị trí chưa tuyển đủ do điều kiện khách quan như: bác sĩ Răng Hàm Mặt,..

- Cơ sở hạ tầng chật hẹp (khó triển khai được nội dung kỹ thuật chuyên môn mới: Điều trị tự kỷ cho trẻ...; khoa Chẩn đoán hình ảnh còn thiếu phòng để đầu tư thêm trang thiết bị, phát triển chuyên môn kỹ thuật);

- Trang thiết bị thiếu/hoặc xuống cấp nhưng chưa được/chưa thể đầu tư...

- Cơ chế mua sắm, đấu thầu về thuốc, vật tư y tế, trang thiết bị y tế, Công nghệ thông tin có nhiều vướng mắc, ảnh hưởng đến công tác khám chữa bệnh của đơn vị.

2. Nguyên nhân chủ quan:

- Cán bộ viên chức, người lao động chưa thực sự hiểu rõ ý nghĩa của Quản lý chất lượng; Lãnh đạo Bệnh viện, Hội đồng và mạng lưới Quản lý chất lượng Bệnh viện chưa thực sự làm việc hết trách nhiệm trong các hoạt động về Quản lý chất lượng.

- Nhân lực Phòng Quản lý chất lượng còn thiếu và hạn chế về kiến thức Quản lý chất lượng, chưa mạnh dạn, chưa quyết liệt trong kiểm tra giám sát về thực hiện Quy chế, quy định về Quản lý chất lượng...; chưa chủ động trong công tác tham mưu cho Hội đồng Quản lý chất lượng, cho Ban giám đốc Bệnh viện khắc phục tồn tại, hạn chế về Quản lý chất lượng và thúc đẩy nâng cao chất lượng...

- Cán bộ Y tế trong toàn Bệnh viện chưa tích cực, chưa trách nhiệm cao trong việc thực hiện quy trình, quy chế chuyên môn, 5S theo quy định, chưa tự giác hoặc còn né tránh việc báo cáo sự cố y khoa...

3. Giải pháp khắc phục:

- Nâng cao ý thức trách nhiệm của Cán bộ Y tế trong thực hiện Quản lý chất lượng Bệnh viện: Quản lý chất lượng phải được quan tâm thực hiện thường xuyên liên tục ở tất cả các mảng lĩnh vực, các vị trí làm việc; đặc biệt là đội ngũ lãnh đạo từ Ban Giám đốc đến lãnh đạo các khoa phòng cần phải hiểu rõ về Quản lý chất lượng là điều kiện bắt buộc, sống còn đối với Bệnh viện đặc biệt là đối với đơn vị tự chủ 100% chi thường xuyên như Bệnh viện ĐKKV Cẩm Phả. Vì vậy, công tác tuyên truyền và đào tạo bồi dưỡng về Quản lý chất lượng cho toàn bộ Cán bộ viên chức-Người lao động cần được đẩy mạnh và làm thường xuyên.

- Cử cán bộ, nhân viên phòng Quản lý chất lượng đi đào tạo chuyên sâu để nâng cao chất lượng hoạt động cho Phòng Quản lý chất lượng;

- Xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện tốt việc đảm bảo Tiêu chuẩn chất lượng cơ bản đối với bệnh viện (Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BYT ngày 16 tháng 11 năm 2024).

- Ưu tiên đề xuất và thực hiện các giải pháp khắc phục tồn tại để giảm dần và tiến đến không còn các tiêu chí ở mức 1, mức 2; duy trì sự bền vững của các tiêu chí đang đạt điểm từ mức 3 trở lên (không để tụt điểm) và tiếp tục thực hiện giải pháp để nâng dần các điểm tiêu chí đạt mức cao hơn.

- Tăng cường công tác cải tiến chất lượng (lựa chọn nội dung để làm thì thực hiện trước, thực hiện ngay...); chủ động định kỳ kiểm tra, rà soát việc đánh giá chất lượng bệnh viện không để đến cuối năm mới làm để đối phó việc kiểm tra của Sở Y tế).

V. KIẾN NGHỊ

- Kính đề nghị Sở Y tế sớm thông báo chủ trương triển khai mua sắm thuốc phục vụ công tác khám chữa bệnh bệnh cho nhân dân địa bàn tỉnh Quảng

Ninh năm 2025-2026 đối với các mặt hàng thuốc không thuộc danh mục đàm phán giá và đấu thầu tập trung cấp Quốc gia.

- Tiếp tục quan tâm đầu tư cải tạo cho Bệnh viện về cơ sở hạ tầng và đầu tư thêm trang thiết bị chẩn đoán, điều trị để đáp ứng nhu cầu khám và điều trị ngày càng cao của nhân dân trong khi năng lực chuyên môn của đội ngũ CBYT đã có khả năng đáp ứng ngay nếu có trang thiết bị phù hợp.

Trên đây là báo cáo kiểm tra đánh giá chất lượng bệnh viện và khảo sát hài lòng người bệnh, nhân viên y tế năm 2024 của Bệnh viện.

Bệnh viện ĐKKV Cẩm Phả trân trọng báo cáo./.



Nơi nhận:

- Sở Y tế (B/cáo);
- GD, Các PGD (B/cáo);
- Lưu: VT, QLCL.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Thanh



PHỤ LỤC

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ NĂM 2024-2025
 (Thực hiện Quyết định số 3652/QĐ-BYT ngày 03/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

Tên đơn vị : Bệnh viện Đa khoa khu vực Cẩm Phả

Kiểu đánh giá : Bệnh viện tự đánh giá cuối năm

Các nội dung kiểm tra được quy về điểm với tổng điểm tối đa 1000 điểm, chi tiết như sau:

STT	Nội dung đánh giá	Cách tính	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
1	Thông tin, số liệu hoạt động bệnh viện	- Nhập đầy đủ thông tin: 30 điểm - Nhập thiếu: 10 điểm - Không nhập: 0 điểm	30 điểm	30
2	Đánh giá chất lượng bệnh viện	2.1 Đánh giá tiêu chuẩn chất lượng cơ bản -Nhập đầy đủ thông tin, đạt toàn bộ các tiêu chuẩn và đầy đủ bằng chứng minh họa: 50 điểm. -Nhập đầy đủ thông tin, đạt toàn bộ các tiêu chuẩn và thiếu bằng chứng minh họa: 20 điểm -Không đạt một tiêu chuẩn bất kỳ: 0 điểm	50 điểm	50
		2.2.Đánh giá Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện 2.0 -Kết quả đánh giá mức chất lượng nhân với 100 (ví dụ bệnh viện đạt mức 3,6 tương đương 360 điểm)	500 điểm	350
3	Khảo sát hài lòng người bệnh và nhân viên y tế	- Chỉ số tỷ lệ hài lòng NB nội trú quy ra số điểm tương ứng theo thang điểm 100, chia 2 (làm tròn)	50 điểm	48
		- Chỉ số tỷ lệ hài lòng NB ngoại trú quy ra số điểm tương ứng theo thang điểm 100, chia 2 (làm tròn)	50 điểm	48,3
		- Chỉ số tỷ lệ hài lòng NVYT quy ra số điểm tương ứng theo thang	50 điểm	47,2

STT	Nội dung đánh giá	Cách tính	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
		điểm 100, chia 2 (làm tròn)		
4	Kiểm tra công tác cấp cứu, hồi sức tích cực người bệnh	<p>Triển khai công tác hồi sức tích cực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khoa hồi sức tích cực hoặc thành lập mới đơn vị (khoa, trung tâm) hồi sức tích cực. Đơn vị có ít nhất 3 bác sỹ chuyên khoa cấp cứu, hồi sức tích cực trở lên: 30 điểm - Có ít nhất 2 bác sỹ được đào tạo về hồi sức tích cực từ 3 tháng trở lên: 10 điểm 	30 điểm	30
		<p>5.1. Đặt lịch hẹn khám</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có áp dụng CNTT đặt lịch hẹn khám trước, tỷ lệ người đến khám sử dụng dưới 50%: 10 điểm - Có áp dụng CNTT đặt lịch hẹn khám trước, tỷ lệ người đến khám sử dụng từ 50% đến 75%: 20 điểm - Có áp dụng CNTT đặt lịch hẹn khám trước, tỷ lệ người đến khám sử dụng từ 75% trở lên: 30 điểm 	30 điểm	30
5	Kiểm tra việc triển khai các chỉ đạo khẩn của Chính phủ, Bộ Y tế.	<p>5.2. Triển khai hội chẩn, hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có hạ tầng phục vụ hội chẩn từ xa, có kết nối với tuyến trên, tuyến dưới: 5 điểm - Phòng thủ thuật, phẫu thuật có phương tiện phục vụ hội chẩn, hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa: 5 điểm - Có thực hiện hội chẩn từ xa, hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa theo định kỳ ít nhất 1 lần trong 2 tuần: 10 điểm. 	20 điểm (tính tổng điểm các mục)	20

STT	Nội dung đánh giá	Cách tính	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
		<p>5.3. Triển khai bệnh án điện tử</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thực hiện tốt, áp dụng hoàn toàn bệnh án điện tử: 30 điểm -Khá, đã áp dụng bệnh án điện tử cho trên 50% module: 20 điểm -Trung bình, bắt đầu triển khai áp dụng: 10 điểm -Kém, chưa triển khai: 0 điểm 	30 điểm	30
		<p>5.4. Công tác chuyển đổi số, triển khai sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VneID, chuyển viện, hẹn khám lại các công việc liên quan thực hiện Đề án 06 của Thủ tướng Chính phủ.</p> <ul style="list-style-type: none"> -Có ki-ốt đăng ký khám bằng căn cước gắn chip điện tử: 5 điểm -Đã thực hiện liên thông dữ liệu phục vụ Đề án 06/CP: 5 điểm -Đảm bảo liên thông giấy chứng sinh, báo tử đầy đủ: 5 điểm -Đã thực hiện lập phiếu chẩn đoán nguyên nhân tử vong cho các trường hợp tử vong tại bệnh viện: 5 điểm. 	20 điểm (tính tổng điểm các mục)	15
		<p>5.5. Tình hình cung ứng thuốc, vật tư y tế trong bệnh viện</p> <ul style="list-style-type: none"> -Đủ thuốc, vật tư y tế không bị gián đoạn nguồn cung: 30 điểm -Có thiếu, bị gián đoạn dưới 2 tuần trong năm: 20 điểm -Có thiếu, bị gián đoạn dưới 1 tháng trong năm: 10 điểm -Có thiếu, bị gián đoạn từ 1 tháng trở lên: 0 điểm 	30 điểm	20
		<p>5.6. Việc chấp hành pháp luật về giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh</p> <p>a) Công khai giá:</p>	40 điểm	40

STT	Nội dung đánh giá	Cách tính	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
		<p>- giá niêm yết công khai, in trên bảng treo, giấy, điện tử... để tra cứu</p> <p>- Công khai mức chênh lệch (giữa giá theo yêu cầu và BHYT thanh toán)</p> <p>(10 điểm)</p> <p>b) Về lập phương án giá</p> <p>- Đối với dịch vụ do Bộ y tế quy định giá cụ thể: từ 01/11/2024 các cơ sở mới thực hiện lập phương án giá và được cấp có thẩm quyền quyết định giá theo Điều 110 của luật KBCB. Từ 01/11/2024 trở về trước thực hiện Thông tư 21,22.</p> <p>(10 điểm)</p> <p>- Đối với dịch vụ KBCB theo yêu cầu:</p> <p>+ Đã lập hồ sơ phương án giá, tổ chức thẩm định để Thủ trưởng đơn vị quyết định giá.</p> <p>+ Thực hiện kê khai giá KBCB theo yêu cầu đầy đủ.</p> <p>(10 điểm)</p> <p>c) Việc chấp hành mức giá do cơ quan có thẩm quyền, người có thẩm quyền quyết định:</p> <p>- Có thực hiện thu đúng giá niêm yết cho đúng đối tượng.</p> <p>(10 điểm)</p> <p>Lưu ý: nếu đạt yêu cầu toàn bộ các nội dung trong 5.6 chấm 10 điểm, không đạt chấm 0 điểm.</p>		
		<p>5.7. Thực hiện các quy định về định mức giường bệnh, số giường kế hoạch, thực kê và các điều kiện liên quan như diện tích, cơ sở hạ tầng, nhân lực...</p> <p>- Số giường kế hoạch và thực kê</p>	20 điểm	10

STT	Nội dung đánh giá	Cách tính	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
		<p>chênh nhau dưới 10%: 20 điểm</p> <p>- Số giường thực kê vượt trên 10% và đã chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, đạt yêu cầu để phê duyệt bổ sung giường bệnh: 10 điểm</p> <p>- Số giường thực kê vượt trên 10%, hồ sơ thiếu và chưa được phê duyệt: 0 điểm</p>		
		<p>5.8. Thực hiện việc xếp cấp chuyên môn kỹ thuật</p> <p>- Báo cáo đúng thời hạn và đầy đủ bằng chứng minh họa: 20 điểm</p> <p>- Báo cáo chậm thời hạn và đầy đủ bằng chứng minh họa: 10 điểm</p> <p>- Không báo cáo, chậm từ 1 tháng trở lên: 0 điểm.</p>	20 điểm	20
6	Kiểm tra việc phản hồi một số văn bản phục vụ công tác quản lý	<p>Tổng số chấm tối đa 30 điểm.</p> <p>1. CV số 567/KCB-QLCL&CĐT ngày 16/04/2024 vv Báo cáo hình thức thanh toán viện phí và xin ý kiến thanh toán không dùng tiền mặt: 10 điểm</p> <p>2. CV số 1575/KCB-QLCL&CĐT ngày 27/9/2024 vv tham gia góp ý dự thảo Thông tư quy định tiêu chuẩn chất lượng cơ bản đối với bệnh viện : 10 điểm</p> <p>3. CV số 1761/KCB-QLCL&CĐT ngày 30/10/2024 vv Rà soát việc chấm điểm và tổng hợp kết quả, báo cáo xếp cấp chuyên môn kỹ thuật: 10 điểm</p>	30 điểm (tính tổng điểm 3 công văn)	30
Tổng cộng			1000 điểm	818,5